

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày 26 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lành Văn Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Huyền
2. Ông Nguyễn Văn Việt

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLHS-ST, ngày 25 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 15/12/2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1994, tại xã T, huyện B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và con bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2021 bị Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 1.500.000đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 13/10/2022 đến nay. Có mặt.

2. **Nguyễn Văn T2**, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1994, tại xã T, huyện B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và con bà: Dương Thị H (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có;

tiền sự: Ngày 03/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 (hai mươi tư tháng). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 13/10/2022 đến nay. Có mặt

- *Bị hại:* Ông Lương Văn P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà Viết H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khối phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn N2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/9/2022, Nguyễn Văn T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 99F9 – 8505 (mượn của Nguyễn Xuân L, trú cùng thôn) chở phía sau Nguyễn Văn T1 theo đường huyện lộ ĐH.78 hướng từ xã N ra thị trấn B, huyện B chơi. Khi đi đến khu vực cổng nhà ông Lương Văn P, Nguyễn Văn T1 nhìn thấy có một đầu nỏ máy cày (loại máy 8 mã lực, R180, hiệu Hoàng Anh) đang để trước cửa nhà ông Lương Văn P, nên T1 đã nói với T2: “*Có cái đầu nỏ kia*” rồi bảo T2 quay xe lại để lấy trộm. Quan sát xung quanh không có ai, T1 giả vờ gọi chủ nhà nhưng không thấy ai trả lời nên T1 và T2 đã hộ nhau khiêng đầu nỏ máy lên xe. Sau đó T1 điều khiển xe chở T2 ngồi sau giữ đầu máy nỏ, di chuyển về hướng thị trấn B, huyện B. Khi đi đến cửa hiệu sửa chữa xe máy của Đinh Văn T tại thôn S2, xã V, huyện B thì thấy Hà Viết H, là người mua gom sắt vụn đang trú mua ở đó nên T1 đã dừng lại và hỏi H có mua đầu máy nỏ không, T1 nói đây là đầu máy nỏ của gia đình bị hỏng không sử dụng được nữa. Qua trao đổi H đồng ý mua với giá 500.000đ, T1 nhận tiền rồi cùng T2 ra thị trấn Bắc Sơn tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSBS-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra về hành vi của mình và đều khẳng định bị cáo bị truy tố, xét xử về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan.

Phản tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trường và Nguyễn Văn Thu phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 và đề nghị xử phạt đối với các bị cáo:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 12 tháng đến 18 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xác nhận ngày 04/11/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả chiếc đầu máy nổ R180 cho chủ sở hữu là ông Lương Văn P.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại ông Lương Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Viết H đã nhận lại tài sản không ai yêu cầu gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Phản tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của các bị cáo: Cả hai bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, phù hợp với vật chứng đã thu giữ. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 16/9/2022, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 đã có hành vi trộm cắp 01 đầu nổ (máy 8) R180 của ông Lương Văn P, địa chỉ:

Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị chiếc đầu máy nổ R180 mà các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 đã trộm cắp là 4.667.000đ (bốn triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[3] Cáo trạng số: 35/CT-VKSBS-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo hậu quả xảy ra là ít nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do các bị cáo ham chơi, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo T1 và T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy đối với các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo tuy không có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng khi trên đường đi bị cáo T1 nhìn thấy có chiếc đầu máy nổ để trước cửa nhà ông Lường Văn P, T1 là người nói với T2 quay lại để lấy trộm, T2 đồng ý. Khi quay lại đến sân nhà ông Lường Văn P, T1 trực tiếp giả vờ gọi chủ nhà nhưng không thấy ai trả lời nên T1 và T2 đã cùng nhau khiêng đầu máy nổ lên xe chở đi bán. T1 cũng là người trực tiếp giao dịch bán đầu máy nổ và cầm tiền chi tiêu. Do vậy cả hai bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi với vai trò tích cực hơn bị cáo Nguyễn Văn T2 nên chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T2.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo T1 và T2 đều có nhân thân xấu cụ thể là: Đối với bị cáo T1 năm 2017 đã bị xét xử 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2021 bị Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã chấp hành xong bản án và quyết định nên bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo T2 có 01 tiền sự, năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong quyết định nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[7] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T1 đã có tác động với gia đình bồi thường xong toàn bộ số tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Viết H. Do vậy bị cáo Nguyễn Văn T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn

T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định mức hình phạt cho các bị cáo để thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

[9] Từ những phân tích trên khi lượng hình cần áp dụng một mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Nhưng cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ phần nào về hình phạt đối với các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với những người biết ăn năn hối cải để sửa chữa sai lầm.

[10] Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 tuy có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng cả hai bị cáo phạm tội đều là có nhân thân xấu. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung, qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa, các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn đã trả lại tài sản cho ông Lương Văn P theo biên bản giao nhận ngày 04/11/2022 nên cần được ghi nhận.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Viết H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình điều tra, ông H đã nhận lại số tiền bồi thường 500.000đ và tại đơn xin xét xử vắng mặt không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Đối với ông Hà Viết H khi mua đầu máy nổ với Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[15] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 bị tuyên phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[17] Các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/10/2022;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/10/2022;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án:

Xác nhận ngày 04/11/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả tài sản cho chủ sở hữu là ông Lương Văn Phú.

4. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ngày 15/10/2022 bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện bồi thường số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Viết H.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Công an huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn;
- Các bị cáo, bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lành Văn Huế**

